

MÔN TOÁN 7

ĐỀ CHÍNH THỨC

Ngày kiểm tra: .../01/2022

(Đề có 01 trang)

Thời gian: 90 phút (không kể thời gian giao đề)

Câu 1: (3đ) Thực hiện phép tính

a) $0,6 + \frac{-13}{5}$

b) $\frac{5}{3} - \frac{3}{2} + \frac{7}{6}$

c) $\sqrt{\frac{16}{9}} - \left| \frac{-5}{3} \right| - \left(\frac{2}{5} \right)^{10} : \left(\frac{2}{5} \right)^9$

Câu 2: (2đ) Tìm x, biết

a) $\frac{x}{36} = \frac{-7}{9}$

b) $x + \frac{4}{5} = \frac{-3}{2}$

Câu 3: (1đ) Tìm x, y biết: $\frac{x}{4} = \frac{y}{7}$ và $x + y = 33$

Câu 4: (2đ) Các học sinh của lớp 7A, 7B, 7C cùng nhau góp 242 kg giấy vụn thực hiện kế hoạch nhỏ mà trường phát động. Lớp 7A có 39 học sinh, lớp 7B có 40 học sinh và lớp 7C có 42 học sinh. Hỏi mỗi lớp góp bao nhiêu kg giấy vụn, biết số kg giấy vụn góp tỉ lệ với số học sinh.

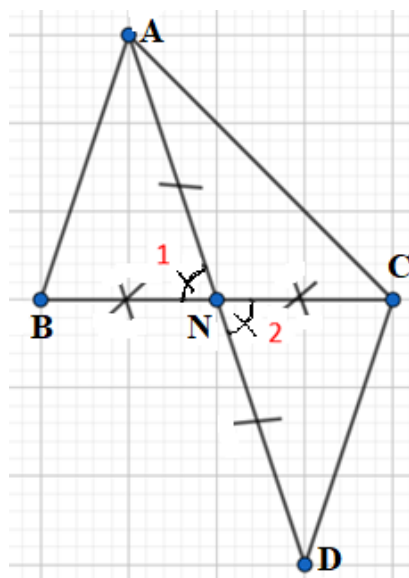
Câu 5: (2đ) Cho hình vẽ

Hãy chứng minh

a) $\triangle ABN = \triangle DCN$

b) $BA = CD$

c) $BA // CD$



----- Hết -----

(Thí sinh không sử dụng tài liệu. Giám thị không giải thích gì thêm)

ĐÁP ÁN ĐỀ ĐÁNH GIÁ CUỐI KÌ I MÔN TOÁN 7

Năm Học: 2021-2022

Câu 1: (3đ) Thực hiện phép tính

$$a) 0,6 + \frac{-13}{5} = \frac{3}{5} + \frac{-13}{5} = -2 \quad (0,5 \text{ đ} \times 2)$$

$$b) \frac{5}{3} - \frac{3}{2} + \frac{7}{6} = \frac{10}{6} - \frac{9}{6} + \frac{7}{6} = \frac{4}{3} \quad (0,5 \text{ đ} \times 2)$$

$$c) \sqrt{\frac{16}{9}} - \left| \frac{-5}{3} \right| - \left(\frac{2}{5} \right)^{10} : \left(\frac{2}{5} \right)^9 = \frac{4}{3} - \frac{5}{3} - \frac{2}{5} = \frac{-1}{3} - \frac{2}{5} = \frac{-11}{15} \quad (0,5 \text{ đ} + 0,25 \text{ đ} \times 2)$$

Câu 2: (2đ) Tìm x, biết

$$\frac{x}{36} = \frac{-7}{9}$$

$$a) x = -7.36 : 9 \quad (0,5 \text{ đ} \times 2)$$

$$x = -28$$

$$b) x + \frac{4}{5} = \frac{-3}{2}$$

$$x = \frac{-3}{2} - \frac{4}{5} \quad (0,5 \text{ đ})$$

$$x = \frac{-23}{10} \quad (0,5 \text{ đ})$$

Câu 3: (1đ) Tìm x, y biết: $\frac{x}{4} = \frac{y}{7}$ và $x + y = 33$

$$\text{Ta có: } \frac{x}{4} = \frac{y}{7} = \frac{x+y}{4+7} = \frac{33}{11} = 3 \quad (0,5 \text{ đ})$$

$$\frac{x}{4} = 3 \Rightarrow x = 3.4 = 12 \quad (0,25 \text{ đ})$$

$$\frac{y}{7} = 3 \Rightarrow y = 3.7 = 21 \quad (0,25 \text{ đ})$$

Vậy $x=12$; $y=21$

Câu 4: (2đ) Các học sinh của lớp 7A, 7B, 7C cùng nhau góp 242 kg giấy vụn thực hiện kế hoạch nhỏ mà trường phát động. Lớp 7A có 39 học sinh, lớp 7B có 40 học

sinh và lớp 7C có 42 học sinh. Hỏi mỗi lớp góp bao nhiêu kg giấy vụn, biết số kg giấy vụn góp tỉ lệ với số học sinh.

Bài làm

Gọi x, y, z (kg) lần lượt là số kg giấy vụn của lớp 7A; 7B; 7C góp ($x, y, z > 0$) (0,25 đ)

Ta có: $\frac{x}{39} = \frac{y}{40} = \frac{z}{42}$ và $x+y+z=242$ (0,25 đ) x2

Áp dụng tính chất dãy tỉ số bằng nhau

$$\frac{x}{39} = \frac{y}{40} = \frac{z}{42} = \frac{x+y+z}{39+40+42} = \frac{242}{121} = 2 \quad (0,25 \text{ đ})$$

$$\frac{x}{39} = 2 \Rightarrow x = 39.2 = 78 \quad (0,25 \text{ đ})$$

$$\frac{y}{40} = 2 \Rightarrow y = 2.40 = 80 \quad (0,25 \text{ đ})$$

$$\frac{z}{42} = 2 \Rightarrow z = 2.42 = 84 \quad (0,25 \text{ đ})$$

Vậy lớp 7A góp 78kg giấy vụn, lớp 7B góp 80 kg giấy vụn, lớp 7C góp 84 kg giấy vụn. (0,25đ)

Câu 14: (2đ)

a) Xét tam giác ABN và tam giác DCN có

$$BN=CN \quad (\text{gt}) \quad (0,25 \text{ đ})$$

$$\hat{N}_1 = \hat{N}_2 \quad (\text{gt}) \quad (0,25 \text{ đ})$$

$$AN=DN \quad (\text{gt}) \quad (0,25 \text{ đ})$$

$$\text{Vậy } \triangle ABN = \triangle DCN \quad (\text{c.g.c}) \quad (0,25 \text{ đ})$$

$$\text{b) Vì } \triangle ABN = \triangle DCN \quad (\text{cmt}) \quad (0,25 \text{ đ})$$

$$\text{Nên } BA = CD \quad (2 \text{ cạnh tương ứng}) \quad (0,25 \text{ đ})$$

$$\text{c) Vì } \triangle ABN = \triangle DCN \quad (\text{cmt})$$

$$\text{Nên } \hat{BAN} = \hat{CDN} \quad (2 \text{ góc tương ứng}) \quad (0,25 \text{ đ})$$

Mà hai góc này so le trong

$$\text{Vậy } BA // CD \quad (0,25 \text{ đ})$$

(Nếu học sinh có cách giải khác, quý Thầy Cô vận dụng biểu điểm này để chấm)

MA TRẬN ĐỀ ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ I KHỐI 7
NĂM HỌC 2021-2022

Chủ đề	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Tổng
1/ Các phép tính trên tập hợp số thực	Tính giá trị biểu thức	Tính giá trị biểu thức - Chia hai lũy thừa cùng cơ số, cộng phân số, giá trị tuyệt đối, các căn.		
	Số câu: 2 Số điểm : 2 Tỉ lệ 20 %	Số câu: 1 Số điểm : 1 Tỉ lệ 10 %		Số câu: 3 Số điểm : 3 Tỉ lệ 30 %
2/ Tìm x	Quy tắc chuyển vế	Tỉ lệ thức		
	Số câu: 1 Số điểm : 1 Tỉ lệ 10 %	Số câu: 1 Số điểm : 1 Tỉ lệ 10 %		Số câu: 2 Số điểm : 2 Tỉ lệ 20 %
3/ Vận dụng Tính chất dãy tỉ số bằng nhau		Tìm x, y		
		Số câu: 1 Số điểm : 1 Tỉ lệ 10 %		Số câu: 1 Số điểm : 1 Tỉ lệ 10 %
3/ Toán thực tiễn vận dụng tỉ lệ thuận, nghịch			Toán thực tiễn về tỉ lệ thuận	
			Số câu: 1 Số điểm : 2 Tỉ lệ 20 %	Số câu: 1 Số điểm : 2 Tỉ lệ 20 %
4/ Hai tam giác bằng nhau và so sánh góc và độ dài	Chứng minh 2 tam giác bằng nhau	So sánh hai góc, hai cạnh dựa vào hai tam giác bằng nhau		
	Số câu: 1 Số điểm : 1 Tỉ lệ 10 %	Số câu: 2 Số điểm : 1 Tỉ lệ 10 %		Số câu: 3 Số điểm : 2 Tỉ lệ 20 %
Tổng	Số câu: 4 Số điểm : 4 Tỉ lệ 40 %	Số câu: 5 Số điểm : 4 Tỉ lệ 40 %	Số câu: 1 Số điểm : 2 Tỉ lệ 20 %	Số câu: 10 Số điểm : 10 Tỉ lệ 100 %

